

Số: 1365 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 23 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi sửa chữa tuyến ĐT.751
đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH12 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 18/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BXD ngày 15/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;



Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình bảo trì đường bộ năm 2020 của Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 08/06/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận phương án, nguồn vốn, Chủ đầu tư và phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi sửa chữa tuyến ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 111/TTr-SGTVT ngày 15/6/2020 và Công văn số 539/SGTVT-VP ngày 19/6/2020 (kèm theo kết quả thẩm định tại Văn bản số 94/SGTVT-VP ngày 15/6/2020 của Sở Giao thông vận tải và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi sửa chữa tuyến ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và, tỉnh Bình Phước, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa tuyến ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Mục tiêu, sự cần thiết đầu tư xây dựng

Việc duy tu sửa chữa tuyến đường nhằm đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện tham gia giao thông trên tuyến, phục vụ việc lưu thông của người dân; đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực nơi tuyến đường đi qua. Dự án sau khi hoàn thành sẽ nâng cao hiệu quả thông hành của toàn tuyến, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Hiện trạng công trình

Tuyến đường ĐT.751 được đầu tư xây dựng từ lâu với mặt đường rộng trung bình 6m nên không đáp ứng được nhu cầu lưu thông ngày càng tăng. Lề đường sỏi đỏ, hệ thống thoát nước không đảm bảo thoát nước mặt đường, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân hai bên tuyến và ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

4.2. Quy mô công trình

Dự án duy tu sửa chữa tuyến đường ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và có điểm đầu tại Km2+000, điểm cuối tại Km8+000, với một số nội dung chính như sau:

- | | |
|-------------------------------|------------------|
| - Tổng chiều dài tuyến: | 6.000m |
| - Chiều rộng mặt đường: | 6m |
| - Chiều rộng lề đường gia cố: | 6m x 2 bên = 12m |

- Chiều rộng bó vỉa, mương xây (đoạn từ Km2+000 đến Km5+504):
(0,55m + 1,4m) x 2 bên = 3,9m.
- Chiều rộng lề đất (đoạn từ Km5+504 đến Km8+000): 3m x 2 bên = 6m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu đoạn từ Km2+000 đến Km5+504: 21,9m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu đoạn từ Km5+504 đến Km8+000: 24m
- Vận tốc thiết kế: 40 km/h
- Tải trọng thiết kế : Trục 10 tấn
- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1 (bê tông nhựa)
- Tần suất tính toán thủy văn nền đường, cống thoát nước: 4%

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thanh Bình.

6. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Dương Trọng Cường.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 144.000 m²

9. Loại, cấp công trình

- Loại công trình: Đường giao thông.
- Cấp công trình: Cấp IV (Theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 và Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

10. Số bước thiết kế: 02 bước.

11. Phương án sửa chữa

11.1. Quy mô xây dựng

- Tổng chiều dài tuyến: 6.000m
- Chiều rộng mặt đường: 6m
- Chiều rộng lề đường gia cố: 6m x 2 bên = 12m
- Chiều rộng bó vỉa, mương xây (đoạn từ Km2+000 đến Km5+504):
(0,55m + 1,4m) x 2 bên = 3,9m.
- Chiều rộng lề đất (đoạn từ Km5+504 đến Km8+000): 3m x 2 bên = 6m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu đoạn từ Km2+000 đến Km5+504: 21,9m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu đoạn từ Km5+504 đến Km8+000: 24m
- Vận tốc thiết kế: 40 km/h
- Tải trọng thiết kế : Trục 10 tấn

- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1 (bê tông nhựa)
- Tần suất tính toán thủy văn nền đường, cống thoát nước: 4%

11.2. Giải pháp thiết kế

Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 4054 – 2005 “Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế”, đường cấp IV với các nội dung chủ yếu như sau:

- Bình đồ tuyến chủ yếu bám theo tim đường hiện hữu.
- Mặt cắt dọc tuyến: Đảm bảo yếu tố hình học cấp đường thiết kế và các điều kiện khống chế, cụ thể:

+ Phối hợp hài hòa với bình đồ tuyến để tạo nên một tuyến không gian thuận mắt, lưu thông êm thuận.

+ Hạn chế đào sâu, đắp cao để giảm thiểu khối lượng đào đắp và thuận lợi cho công tác quy hoạch xây dựng tuyến này.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

+ Độ dốc ngang lề gia cố: 2%.

+ Độ dốc ngang lề đất: 4%.

- Phần mặt đường và phần lề gia cố: Kết cấu áo đường (từ trên xuống):

+ Đối với các vị trí thi công trên mặt đường hiện hữu:

. Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm, $E_{yc} \geq 170$ Mpa, $K \geq 0,98$.

. Tưới nhựa dính bám mặt đường bằng nhũ tương axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².

. Bù vênh mặt đường bằng bê tông nhựa chặt 19 dày trung bình 4cm, $E_{yc} \geq 160$ Mpa, $K \geq 0,98$.

. Tưới nhựa dính bám mặt đường bằng nhũ tương axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².

. Cày sọc mặt đường bê tông nhựa hiện hữu.

+ Kết cấu lề gia cố và vuốt nối với đường sỏi hiện hữu:

. Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm, $E_{yc} \geq 170$ Mpa, $K \geq 0,98$.

. Tưới nhựa dính bám mặt đường bằng nhũ tương axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².

. Bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm, $E_{yc} \geq 160$ Mpa, $K \geq 0,98$.

. Tưới nhựa thấm bám mặt đường bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0kg/m².

- . Cấp phối đá dăm lớp trên dày 18cm, $E_{yc} \geq 150$ Mpa, $K \geq 0,98$.
- . Cấp phối đá dăm lớp dưới dày 17cm, $E_{yc} \geq 140$ Mpa, $K \geq 0,98$.
- . Cấp phối đá dăm lớp dưới dày 18cm, $E_{yc} \geq 130$ Mpa, $K \geq 0,98$.
- . Lớp sỏi đỏ dày 30cm, $E_{yc} \geq 90$ Mpa, $K \geq 0,98$.
- . Đào đắp nền đường hiện hữu đạt cao độ thiết kế, lu lèn đạt $K \geq 0,95$.
- + Kết cấu vượt nối với đường BTXM hoặc đường nhựa hiện hữu:
 - . Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm, $E_{yc} \geq 170$ Mpa, $K \geq 0,98$.
 - . Tưới nhựa dính bám mặt đường bằng nhũ tương axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m².
 - . Cày sọc mặt đường hiện hữu.
- Phần lề đường:
 - + Phần lề đất: Đắp sỏi đỏ lề đường theo cao độ thiết kế, lu lèn đạt $K \geq 0,95$.
 - + Phần bó vỉa: Lớp bê tông đá 1x2, M200 dày 10cm trên lớp bê tông đá 4x6, M100 dày 20cm, nền đường hiện hữu đào đắp, lu lèn đạt $K \geq 0,95$.
 - Hệ thống thoát nước: Tận dụng lại hệ thống thoát nước hiện hữu trên tuyến, ngoài ra cải tạo gia cố một số vị trí nhằm đảm bảo thoát nước, cụ thể:
 - Hệ thống thoát nước: Tận dụng lại hệ thống thoát nước hiện hữu trên tuyến, ngoài ra cải tạo gia cố một số vị trí nhằm đảm bảo thoát nước. Cụ thể:
 - + Hệ thống thoát nước dọc:
 - . Gia cố bằng muong xây đá hộc tại các vị trí qua khu đông dân cư và các vị trí có độ dốc dọc lớn.
 - . Tiết diện thoát nước rãnh dọc là 0,8m x 0,85m
 - . Tấm đan chịu lực bằng BTCT đá 1x2 M250 có kích thước (108x100x15)cm. Trên nắp đan rãnh được khoét lỗ $D=8$ cm để thu nước trực tiếp từ mặt đường.
 - + Hệ thống thoát nước ngang:
 - Thay mới các cống ngang bị hư hỏng hoặc không đảm bảo khả năng thoát nước, đặt mới cống ngang nhằm đảm bảo khả năng thoát nước của nền đường tại các vị trí Km3+042; Km4+460; Km5+504; Km6+520.
 - Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại QCVN 41 : 2019/BGTVT.

12. Thiết bị công nghệ: Không có

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: UBND huyện Chơn Thành tổ chức giải phóng mặt bằng bàn giao Chủ đầu tư phục vụ thi công công trình theo quy định.

14. Tổng mức đầu tư: 119.786.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm mười chín tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 111.447.691.869 đồng.
- Chi phí QLDA: 1.914.671.346 đồng.
- Chi phí tư vấn: 4.226.608.499 đồng.
- Chi phí khác: 1.127.034.323 đồng.
- Chi phí dự phòng: 1.069.993.963 đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương và vốn sự nghiệp giao thông năm 2020 theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

17. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: Năm 2020 - 2021.

18. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

18.1. Tiêu chuẩn khảo sát

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22 TCN 263-2000.
- Quy trình đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43-90;
- Quy trình khảo sát và tính toán thủy văn 22 TCN 220-95.

18.2. Tiêu chuẩn thiết kế

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005.
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22 TCN 211-06.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô 22 TCN 273-01.
- Quy trình thiết kế cầu công theo trạng thái giới hạn (áp dụng cho thiết kế công trên đường ô tô) 22 TCN 18 -79.

18.3. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu

- + Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447- 2012.



- + Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436: 2012.
- + Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Lốp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên TCVN 8857: 2011.
- + Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Lốp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859: 2011.
- + Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu Mặt đường BTN nóng TCVN 8819: 2011.
- + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.

Và các quy trình hiện hành có liên quan.

19. Các vấn đề khác

Trong quá trình triển khai, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung kiến nghị tại Văn bản số 94/SGTVT-VP ngày 15/6/2020.

(Kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định tại Văn bản số 94/SGTVT-VP ngày 15/6/2020).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT.



Huỳnh Anh Minh